

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : 10 Phổ Quang - Q.Tân Bình - TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 01/01/2009 Đến ngày 30/06/2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>A-Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</i>	100		76 565 263 140	66 942 490 982
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4 334 944 115	3 883 917 169
1. Tiền	111	V.01	4 334 944 115	3 883 917 169
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	12 322 217 864	11 897 995 441
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12 322 217 864	11 897 995 441
2. Dự phòng giảm đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III- Các khoản phải thu	130		33 618 168 646	30 578 169 965
1. Phải thu của khách hàng	131		15 084 297 471	15 044 261 827
2. Trả trước cho người bán	132		10 952 620 346	1 474 392 145
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	7 945 875 211	14 236 738 376
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(364 624 382)	(177 222 383)
IV- Hàng tồn kho	140		22 525 849 909	16 693 188 623
1. Hàng tồn kho	141	V.04	22 525 849 909	16 967 408 153
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(274 219 530)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		3 764 082 606	3 889 219 784
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		311 847 246	296 133 752
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	130 324 262	130 324 262
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3 321 911 098	3 462 761 770
<i>B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)</i>	200		84 500 728 301	61 578 145 074
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II- Tài sản cố định	220		2 918 076 221	2 310 030 445
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	2 328 236 089	1 890 364 808
- Nguyên giá	222		5 763 997 672	4 828 847 931
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3 435 761 583)	(2 938 483 123)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	356 430 459	419 665 637
- Nguyên giá	228		494 185 656	494 185 656
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(137 755 197)	(74 520 019)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	233 409 673	
III- Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80 620 190 000	58 302 033 333
1. Đầu tư tư vào công ty con	251		71 010 190 000	49 692 033 333
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252		9 610 000 000	8 610 000 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V- Tài sản dài hạn khác	260		962 462 080	966 081 296
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	962 462 080	966 081 296
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		161 065 991 441	128 520 636 056
A-Nợ phải trả (300=310+330)	300		44 956 172 857	18 009 399 376
I- Nợ ngắn hạn	310		41 329 241 593	16 720 281 724
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	8 365 439 608	
2. Phải trả cho người bán	312		6 641 839 628	6 920 272 609
3. Người mua trả tiền trước	313		10 527 778 405	3 719 490 718
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	540 936 453	1 248 596 827
5. Phải trả người lao động	315		30 517 165	378 222 031
6. Chi phí phải trả	316	V.17	883 738 150	64 000 000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	14 338 992 184	4 376 699 539
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			13 000 000
II- Nợ dài hạn	330		3 626 931 264	1 289 117 652
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		972 738 200	972 738 200
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2 370 000 000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		284 193 064	316 379 452
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		116 109 818 584	110 511 236 680
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.22	116 306 749 366	110 511 236 680
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72 823 750 000	72 809 560 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25 894 944 977	25 894 944 977
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(15 680 000)	(15 680 000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17 603 734 389	11 822 411 703
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(196 930 782)	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(196 930 782)	
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		161 065 991 441	128 520 636 056

1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Ngày 20 Tháng 08 Năm 2009

Phan Việt Hà
Kê toán trưởng

Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : 10 Phổ Quang - Q.Tân Bình - TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2009 Đến ngày 30/06/2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	25 695 256 683	33 545 380 724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	47 340 953	494 556 691
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	25 647 915 730	33 050 824 033
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	18 875 560 170	26 647 760 858
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6 772 355 560	6 403 063 175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	10 688 187 729	6 533 728 428
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	513 239 313	709 670 790
.- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		68 510 918	506 328 914
8. Chi phí bán hàng	24	VI.33	5 414 571 255	3 289 911 922
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.33	3 865 874 679	4 257 409 763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7 666 858 042	4 679 799 128
11. Thu nhập khác	31		287 132 255	15 390 719
12. Chi phí khác	32		77 243 997	268 517 833
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		209 888 258	(253 127 114)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		7 876 746 300	4 426 672 014
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7 876 746 300	4 426 672 014

Ngày 20 Tháng 08 Năm 2009

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Lâm Thiệu Quân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : 10 Phố Quang - Q.Tân Bình - TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		35.794.578.048	102.144.120.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.960.701.657)	(90.029.797.335)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.598.852.499)	(5.766.576.769)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	VI.4	(110.342.100)	(596.573.429)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.21	-	(538.385.827)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.339.455.248	62.528.807.454
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.527.458.128)	(59.270.283.731)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		936.678.912	8.471.310.792
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(961.081.010)	(1.982.552.892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.458.200	25.857.143
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.479.606.720)	(113.055.928.065)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.057.833.852	103.049.486.024
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.919.656.667)	(19.066.703.333)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	715.150.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.966.852.520	11.907.748.131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.333.199.825)	(18.406.942.992)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : 10 Phố Quang - Q.Tân Bình - TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		14.190.000	36.489.938.977
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	12.932.521.270	14.173.920.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(4.003.830.041)	(33.203.487.594)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(2.095.333.370)	(6.513.519.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.847.547.859	10.946.851.733
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		451.026.946	1.011.219.533
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.883.917.169	2.872.697.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.334.944.115	3.883.917.169

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2009

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Lâm Thiều Quân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tháng 6/2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại và dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán vật tư, máy móc, phụ tùng, linh kiện ngành công nghiệp – xây dựng, thiết bị chống sét, hàng tiêu dùng, thiết bị tin học, hàng điện tử. Thiết bị lắp đặt, bảo trì các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng, hệ thống tin học, hệ thống chống sét. Mua bán thiết bị viễn thông (cáp đồng trục, các loại anten cho thiết bị truyền dẫn vi ba, phát thanh truyền hình và các phụ kiện kèm theo). Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo trì các sản phẩm bán ra. Sản xuất, mua bán phần mềm tin học.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua,

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	2

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao từ 3 - 4 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từng loại sản phẩm, hàng hóa và bằng 5% trên giá vốn các sản phẩm, hàng hóa có yêu cầu bảo hành.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2009, Công ty sẽ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
30/06/2009 : 17.801 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	238.521.993	321.261.791
Tiền gửi ngân hàng	4.096.422.122	3.562.655.378
Cộng	<u>4.334.944.115</u>	<u>3.883.917.169</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	4.861.957.864	6.668.859.346
Tiền cho vay	7.460.260.000	5.229.136.095
Cộng	<u>12.322.217.864</u>	<u>11.897.995.441</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bưu điện tỉnh Nghệ An	-	-
Nortel Vietnam Limited		1.572.537.285
Siemens Aktiengesellschaft		1.275.024.039
Nhà thầu Siemens		2.171.603.920
Khu Quản lý Đường bộ II	2.147.605.922	799.036.010
Tổng Cục Kỹ thuật - Bộ Công an	873.197.151	873.197.151
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	837.122.934	1.443.060.118
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	612.904.108	1.597.966.243
Công ty Điện Thoại Đông Thành Phố	536.652.061	6.452.061
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	593.565.723	323.972.000
Công ty CP Công Nghệ Tân Tiến	631.999.893	82.470.363
Tổng công ty Hàng Không Miền Nam	767.460.300	
Khu quản lý đường bộ IV	1.912.060.929	
Ban quản lý dự án giao thông Nam Định	2.238.172.404	
Các nhà cung cấp khác	3.933.556.046	4.898.942.637
Cộng	<u>15.084.297.471</u>	<u>15.044.261.827</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tân Thuận Corporation	4.569.810.800	
EFKON AG	2.089.026.360	
Công ty Liên doanh Cấp Taihan-Sacom	806.475.756	
Cty TNHH SX - TM - DV Điện Tử Viễn Thông tin Học Minh Lộ	623.429.530	
Cty CP TK-XD-TM Hoàng Việt	605.715.017	
Cty TNHH Xây Dựng Đại Hoàng Anh	380.838.676	
NORTEL NETWORKS SINGAPORE PTE LTD	278.178.490	
Cty CP Bách Khoa Việt	260.076.590	
Cty CP Quản Lý & ĐTXDCT Giao Thông 238	224.500.800	224.500.800
Công ty TNHH du lịch Xông Pha (XPC)	208.696.320	
Cty TNHH Công Nghệ Viễn Thông Trung Nam Bosch Security Systems Pte., Ltd.	170.530.673	274.896.507
Công ty Cổ phần Xây lắp & Dịch vụ bưu điện Cà Mau		88.344.676
Công ty TNHH Công nghệ MTV Vinci		77.860.995
Công ty Cổ phần Hữu Toàn		75.283.614
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Anh Linh		206.250.000
Các nhà cung cấp khác	735.341.334	527.255.553
Cộng	10.952.620.346	1.474.392.145

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	7.045.781.084	11.131.176.449
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	324.593.922	218.704.464
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu		2.054.560.580
Phải thu khác từ các công ty con, công ty liên kết	24.107.092	185.392.461
Phải thu khác từ các chi nhánh	-	-
Phải thu khác từ các cá nhân	345.584.031	38.810.400
Phải thu khác	205.809.082	608.094.022
Cộng	7.945.875.211	14.236.738.376

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 1 năm.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		445.807.222
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.358.963.843	5.970.640.412
Hàng hóa	14.166.886.066	10.550.960.519
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	<u>22.525.849.909</u>	<u>16.967.408.153</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho.	47.479.977	144.740.213	(141.482.799)	50.737.391
Chi phí công cụ dụng cụ	76.692.271	104.953.345	(78.791.193)	102.854.423
Chi phí khác	171.961.504	73.578.427	(87.284.499)	158.255.432
Cộng	<u>296.133.752</u>	<u>323.271.985</u>	<u>(307.558.491)</u>	<u>311.847.246</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	130.324.262	130.324.262
Thuế nhập khẩu nộp thừa	-	-
Cộng	<u>130.324.262</u>	<u>130.324.262</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	609.617.223	514.791.819
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.712.010.736	2.947.406.173
Tài sản thiếu chờ xử lý	283.139	563.778
Cộng	<u>3.321.911.098</u>	<u>3.462.761.770</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	279,185,840	1,820,045,075	2,673,800,536	55,816,480	4,828,847,931
Tăng trong kỳ		522,392,697	440,898,394		963,291,091
<i>Mua sắm mới</i>		522,392,697	440,898,394		963,291,091
<i>Điều chỉnh lại số năm trước</i>					-
Thanh lý, nhượng bán			(28,141,350)		(28,141,350)
Số cuối kỳ	279,185,840	2,342,437,772	3,086,557,580	55,816,480	5,763,997,672
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	144,972,749	931,064,994	1,806,628,900	55,816,480	2,938,483,123
Tăng trong kỳ	28,784,526	182,571,646	303,341,339		514,697,511
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	28,784,526	182,571,646			211,356,172
<i>Điều chỉnh lại số năm trước</i>					-
Thanh lý, nhượng bán			(17,419,051)		(17,419,051)
Số cuối kỳ	173,757,275	1,113,636,640	2,092,551,188	55,816,480	3,435,761,583
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	134,213,091	888,980,081	867,171,636		1,890,364,808
Số cuối kỳ	105,428,565	1,228,801,132	994,006,392		2,328,236,089
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	494,185,656
Mua trong kỳ	
Số cuối kỳ	494,185,656
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	74,520,019
Khấu hao trong kỳ	63,235,178
Số cuối kỳ	137,755,197
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	419,665,637
Số cuối kỳ	356,430,459

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Mua sắm tài sản cố định
Số đầu năm	-
Chi phí phát sinh trong kỳ	233.409.673
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	
Số cuối kỳ	233.409.673

14. Đầu tư vào công ty con

	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến		70%	5.553.310.000
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính		83%	8.193.880.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh		70%	10.438.540.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông		72%	9.260.660.000
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong		100%	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu		43%	16.563.800.000
Công ty TNHH Thương mại Việt Sơn		67%	20.000.000.000
Cộng			71.010.190.000

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận		32%	960.000.000
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân		19%	2.650.000.000
Cộng			3.610.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 411022000207 ngày 17 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư 6.000.000.000 VND tương đương 10% vốn điều lệ.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thẻ hội viên golf	886.865.770	-		886.865.770
Chi phí sửa chữa văn phòng	79.215.526	22.456.000	(26.075.216)	75.596.310
Cộng	923.605.921	90.532.030	(48.056.655)	962.462.080

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	
<i>Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình</i>	6.558.691.229	
<i>Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam</i>	1.806.748.379	
Cộng	8.365.439.608	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng		12.302.269.649	(3.936.830.04)	8.365.439.608
Vay ngắn hạn các cá nhân khác		-	-	-
Cộng		12.302.269.649	(3.936.830.04)	8.365.439.608

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong	1 840 000 000	265 000 000
SCHNEIDER ELECTRIC OVERSEAS ASIA PTE LTD	554 407 679	1 416 659 024
Công ty CPCN Tín Thông	435 432 238	67 433 594
Cty CP đầu tư Xây Dựng BC-VT	368 733 500	204 567 000
Công ty CP Cơ điện Thạch Anh	321 663 673	949 535 234
Công ty CP Tin Học Siêu Tính	307 031 774	383 159 512
Xí Nghiệp Khảo Sát Xây Dựng Điện	274 560 000	
Cty CP Đầu Tư & XD Cấp Thoát Nước	272 718 866	240 527 382
Cty TNHH TM & Đ.tư P.triển Công nghệ (Techpro)	210 576 598	132 452 698
Công ty Cổ phần Công Nghệ Thiên Vận	11 167 015	426 191 055
PHOENIX CONTACT (SEA) Pte.Ltd	125 356 600	378 789 361
SIEMENS AG, A&D MC MT OM		1 914 832 563
Các khách hàng khác	1 920 191 685	541 125 186
Cộng	6 641 839 628	6 920 272 609

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cty CP Phát Triển Hạ Tầng Kỹ Thuật (Becamex)		3 822 715 218
Gtech Services (Hongkong) Ltd.	2 702 132 192	2 702 132 192
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam		1 851 699 999
Degremont Limited (Nhơn Trạch VN Project)		846 553 410
Cty TNHH TM & Du Lịch Hiệp Phúc	654 071 015	654 071 015
Cty CP BOT Đường Tránh Thanh Hóa	294 550 000	237 000 000
CN Cty CP ĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM-XN Dịch Vụ Thu Phí	56 070 963	150 578 852
Các nhà khách hàng khác	12 666 548	263 027 719
Cộng	3 719 490 718	10 527 778 405

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	728,405,336	2,436,273,757	2,718,976,655	445,702,438
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	272,447,045	577,708,400	764,699,912	85,455,533
Thuế xuất, nhập khẩu	166,613,778	569,964,885	726,834,109	9,744,554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(130,324,262)	-	-	(130,324,262)
Thuế thu nhập cá nhân	81,130,668	33,928	81,130,668	33,928
Thuế khác				-
Cộng	1,118,272,565	3,583,980,970	4,291,641,344	410,612,191

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Cung cấp phần mềm	Không chịu thuế
Máy xử lý dữ liệu, thiết bị ngoại vi máy tính, thiết bị mạng viễn thông	5%
Các mặt hàng, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,876,746,300	22,809,434,624
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		655,825,935
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10,389,795,461)	(22,675,160,119)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2,513,049,161)	790,100,440
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp		221,228,123
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính		(115,312,659)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước		53,410,280
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		159,325,744

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay trái phiếu	14.264.710	
Chi phí bảo hành, chi phí lắp đặt các dự án	805.123.440	
Chi phí vận chuyển	34.350.000	
Chi phí dịch vụ	30.000.000	64.000.000
Cộng	883.738.150	64.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	310.525	
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	63.101.103	8.692.136
Phải trả khác cho các công ty con, công ty liên kết	3.674.155.153	2.308.024.500
Phải trả khác cho cá nhân	6.879.420.000	-
Phải trả Công ty TNHH Thương mại Việt Sơn	3.680.517.000	2.013.850.333
Phải trả khác	41.488.403	46.132.570
Cộng	<u>14.338.992.184</u>	<u>4.376.699.539</u>

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến việc bảo hành lắp đặt máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	299.483.648
Số đã sử dụng trong năm	(159.451.199)
Số đã hoàn nhập trong năm	(127.032.449)
Số cuối năm	<u>13.000.000</u>

26. Phải trả dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

27. Vay và nợ dài hạn

Trái phiếu

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	316.379.452
Số trích lập trong năm	
Số chi trong năm	(32.186.388)
Số cuối năm	<u>284.193.064</u>

29. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	53,647,365,000		2,748,295,000		(1,222,974,000)	3,505,039,961	58,677,725,961
Lợi nhuận trong năm trước						22,650,108,880	22,650,108,880
Trích lập các quỹ năm trước						(782,017,488)	(782,017,488)
Chia cổ tức năm trước	7,026,200,000					(13,539,719,650)	(6,513,519,650)
Phát hành cổ phiếu	12,135,995,000		23,146,649,977				35,282,644,977
Bán cổ phiếu quỹ					1,207,294,000		1,207,294,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mua lại cổ phiếu đã phát hành					-
Giảm khác				(11,000,000)	(11,000,000)
Số dư cuối năm trước	72,809,560,000	25,894,944,977	(15,680,000)	11,822,411,703	110,511,236,680
Số dư đầu năm nay	72,809,560,000	25,894,944,977	(15,680,000)	11,822,411,703	110,511,236,680
Lợi nhuận trong năm				7,876,746,300	7,876,746,300
Trích lập các quỹ trong năm					-
Chia cổ tức				(2,095,333,370)	(2,095,333,370)
Phát hành cổ phiếu	14,190,000				14,190,000
Bán cổ phiếu quỹ					-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm nay	72,823,750,000	25,894,944,977	(15,680,000)	17,603,824,633	116,306,829,610

Trong năm 2009 Công ty phân phối lợi nhuận năm 2008 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày **19 tháng 4 năm 2008**.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.350.000	7.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.282.375	7.280.956
- Cổ phiếu phổ thông	7.282.375	7.280.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.568)	(1.568)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.568)	(1.568)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.280.807	7.279.388
- Cổ phiếu phổ thông	7.280.807	7.279.388
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm

Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm

Chi quỹ trong năm

(196.930.782)**Số cuối năm**(196.930.782)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	25.695.256.683	73.565.114.529
- Doanh thu bán hàng hóa	21.256.931.283	44.664.239.609
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.438.325.400	28.900.874.920
Các khoản giảm trừ doanh thu:		(577.810.175)
- Chiết khấu thương mại		-
- Giảm giá hàng bán		-
- Hàng bán bị trả lại	(47.340.953)	(577.810.175)
Doanh thu thuần	<u>25.647.915.730</u>	<u>72.987.304.354</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	17.026.233.117	38.954.259.812
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.899.082.086	18.194.659.102
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		274.219.530
Cộng	<u>18.925.315.203</u>	<u>57.423.138.444</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	292.957.296	1.672.748.062
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.389.795.461	22.675.160.119
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.434.972	533.013.695
Doanh thu hoạt động tài chính khác		701.771.671
Cộng	<u>10.688.187.729</u>	<u>25.582.693.547</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	68.510.918	596.573.429
Lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	444.728.395	930.803.085
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>513.239.313</u>	<u>1.527.376.514</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.753.651.708	4.055.343.873
Chi phí văn phòng phẩm	187.815.846	276.886.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.846.326	217.294.254
Chi phí bảo hành	121.099.185	218.743.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.679.084.361	2.156.716.974
Chi phí bằng tiền khác	496.073.829	707.119.710
Cộng	<u>5.414.571.255</u>	<u>7.632.104.401</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.087.804.192	3.305.544.189
Chi phí văn phòng phẩm	49.289.781	121.302.557
Chi phí đồ dùng văn phòng	137.403.098	1.185.481.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.444.164	797.424.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.784.883	2.882.934.502
Chi phí khác	72.148.561	736.747.013
Cộng	<u>3.865.874.679</u>	<u>9.029.434.141</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.458.200	25.857.143
Các khoản nợ không xác định được chủ		171.324.294
Hoàn nhập trích dự phòng bảo hành	274.219.530	127.032.449
Thu tiền thưởng của nhà cung cấp	13.252.060-	-
Thu thanh lý tài sản khác, công cụ dụng cụ	-	-
Thu khác	-2.797.535	6.083.835
Cộng	<u>287.132.255</u>	<u>330.297.721</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	5.361.150	48.526.096
Xử lý tài sản thiếu		102.402.940
Thanh lý tài sản khác, công cụ dụng cụ	67.522.316	185.824.237
Chi phí khác	4.360.531	142.054.225
Cộng	<u>77.243.997</u>	<u>478.807.498</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	4.841.455.900	7.360.888.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572.290.490	1.014.718.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.940.272.342	17.729.554.057
Chi phí khác	926.427.202	3.246.280.736
Cộng	<u>9.280.445.934</u>	<u>29.351.441.123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu (góp vốn) 6.688.380.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong	Công ty con
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Việt Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong</i>		
Góp vốn		1.000.000.000
Nhận lợi nhuận được chia		497.000.000
Nhận cổ tức	497.000.000	
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.430.520	
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	843.052	
Mua hàng	1.990.000.000	
Thuế giá trị gia tăng mua vào		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh</i>		
Cho vay		5.589.234.719
Lãi cho vay	17.841.221	264.358.761
Góp vốn	123.820.000	807.460.000
Nhận cổ tức	408.350.354	4.029.071.987
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	724.864.667	4.697.189.861
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.681.030	437.432.108
Mua hàng và dịch vụ	176.533.520	1.239.623.666
Mua, trang bị tài sản cố định		78.401.895
Mua phần mềm trạm thu phí		330.000.000
Thuế giá trị gia tăng mua vào	17.653.352	30.043.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến</i>		
Cho vay	1.022.449.717	
Lãi cho vay		
Góp vốn		554.980.000
Nhận cổ tức	167.749.768	287.989.965
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	683.107.416	960.701.573
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	66.820.896	95.926.199
Mua hàng và dịch vụ	54.016.764	369.380.108
Mua tài sản cố định	19.739.392	-
Thuế giá trị gia tăng mua vào	6.388.647	37.476.546
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông</i>		
Cho vay	889.2000	4.800.000.000
Lãi cho vay		203.638.333
Góp vốn	160.440.000	2.161.990.000
Nhận cổ tức	151.196.338	2.530.903.560
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	514.091.384	2.826.063.592
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.042.022	230.120.294
Mua hàng	1.810.166.793	1.197.231.453
Thuế giá trị gia tăng mua vào	163.632.827	112.673.066
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh</i>		
Cho vay		9.790.000.000
Lãi cho vay		229.112.333
Góp vốn	2.570.040.000	2.264.950.000
Nhận cổ tức	551.714.400	1.913.384.044
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	857.377.879	1.376.484.699
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.737.788	146.164.912
Mua hàng	2.038.544.692	13.446.675.295
Thuế giá trị gia tăng mua vào	107.253.893	1.303.733.147
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>		
Cho vay	12.451.714.720	11.153.432.000
Lãi cho vay	24.317.143	140.968.713
Góp vốn	7.231.140.000	1.978.040.000
Nhận cổ tức	9.411.608.940	13.360.044.908
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.132.396.803	3.599.700.391
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.826.064	333.053.710
Mua hàng	414.761.391	337.729.118
Thuế giá trị gia tăng mua vào	40.317.264	30.792.844
<i>Công ty TNHH Thương mại Việt Sơn</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Góp vốn	11.666.666.667	8.333.333.333
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.563.189	
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	956.319	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận		
Cho vay		50.000.000
Góp vốn		160.000.000
Nhận cổ tức	1.568.337	56.765.655
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.337.000	1.324.242.773
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	933.700	122.218.550
Mua hàng	20.930.143	457.329.244
Thuế giá trị gia tăng mua vào	2.093.014	24.616.953
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân		
Cho vay		2.000.000.000
Lãi cho vay		19.676.667
Góp vốn		1.400.000.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.136.513	36.149.158
Thuế giá trị gia tăng bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.313.651	3.494.861
Mua hàng, dịch vụ	8.116.167	-
Thuế giá trị gia tăng mua vào	811.617	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong		
Phải thu cổ tức		497.000.000
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	9.273.572	
Phải thu khác		2.000.000
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh		
Tiền vay		420.604.095
Phải thu cổ tức	2.896.661.084	2.488.310.730
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	612.904.108	1.597.966.243
Phải thu khác		8.158.413
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến		
Phải thu cổ tức	333.198.600	165.448.832
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	631.999.893	82.470.363

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông</i>		
Phải thu cổ tức	463.033.000	438.668.827
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	252.562.528	577.323.977
Phải thu khác	8.099.000	8.158.413
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh</i>		
Tiền vay	-	-
Phải thu cổ tức	630.614.400	1.513.520.000
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	593.565.723	323.972.000
Phải thu khác		8.158.413
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>		
Tiền vay	7.460.260.000	4.808.532.000
Phải thu lãi cho vay		140.968.713
Phải thu cổ tức	2.722.274.000	6.018.628.060
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	837.122.934	1443060118
<i>Công ty TNHH Thương mại Việt Sơn</i>		
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	10.519.508	
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận</i>		
Phải thu cổ tức		9.600.000
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	3.949.000	439.385.252
Phải thu khác		17.948.509
<i>Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân</i>		
Phải thu tiền hàng, dịch vụ	3.498.000	-
Phải thu khác	8.099.000	
Cộng nợ phải thu	17.477.634.350	21.009.882.958
<i>Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong</i>		
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	1.840.000.000	265.000.000
Phải trả khác	310.000.000	220.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính</i>		
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	307.031.774	383.159.512
Phải trả khác	2.000.000.000	
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến</i>		
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	56.611.847	44.364.452
Phải trả khác	1.364.155.153	24.994.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ: 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Tin Thông</i>			
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	435.432.238		67.433.594
Phải trả khác			2.063.030.000
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh</i>			
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	321.663.673		949.535.234
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>			
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	27.033.422		3.000.598
<i>Công ty TNHH Thương mại Việt Sơn</i>			
Phải trả khác	3.680.517.000		2.013.850.333
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận</i>			
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	11.167.015		426.191.055
<i>Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân</i>			
Phải trả hàng hóa, dịch vụ	8.927.784		
Cộng nợ phải trả	10.362.539.906		6.460.559.278

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2009

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Lâm Thiếu Quân
Tổng Giám đốc